

BỘ TÀI CHÍNH**BỘ TÀI CHÍNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 21/2014/TT-BTC

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2014

THÔNG TƯ**Ban hành Quy chế hoạt động của Người đại diện theo ủy quyền
đối với phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp**

Căn cứ Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của Chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25/6/2013 của Chính phủ về Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ quy định về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư về Quy chế hoạt động của Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chế hoạt động của Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2014.

Điều 3. Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp; các cơ quan, tổ chức được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phân công, phân cấp hoặc giao Chủ sở hữu phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**Trần Văn Hiếu**

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****QUY CHẾ****Hoạt động của Người đại diện theo ủy quyền
đối với phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2014/TT-BTC
ngày 14 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về chế độ hoạt động của Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp; mối quan hệ giữa Chủ sở hữu phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp và Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp trong việc thực hiện quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của Chủ sở hữu (dưới vai trò là cổ đông, thành viên góp vốn) tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn từ 2 thành viên trở lên.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng đối với Chủ sở hữu phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp; Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp; các tổ chức, các cá nhân có liên quan đến hoạt động của Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn nhà nước đầu tư tại:

- a) Doanh nghiệp mà nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- b) Doanh nghiệp mà nhà nước nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chủ sở hữu phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp (sau đây viết tắt là Chủ sở hữu phần vốn nhà nước): là Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) được phân công, phân cấp thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Chủ sở hữu đối với phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

2. Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp (gọi tắt là Người đại diện) là cá nhân được Chủ sở hữu phần vốn nhà nước ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của Chủ sở hữu phần vốn nhà nước, bao gồm:

- a) Người đại diện là người làm việc chuyên trách tại doanh nghiệp.
- b) Người đại diện là cán bộ, công chức thuộc cơ quan hành chính nhà nước (Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh) được cử hoặc chỉ định làm Người đại diện kiêm nhiệm tại doanh nghiệp.

Chương II

TIÊU CHUẨN, CHẾ ĐỘ HOẠT ĐỘNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN VÀ MỐI QUAN HỆ GIỮA NGƯỜI ĐẠI DIỆN VỚI TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN

Điều 3. Người đại diện theo ủy quyền có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam.
2. Có đủ năng lực hành vi dân sự.
3. Có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe đảm đương nhiệm vụ.
4. Hiểu biết pháp luật, có ý thức chấp hành luật pháp.
5. Có trình độ chuyên môn bậc đại học trở lên, có khả năng, kinh nghiệm thực tế từ ba (03) năm trở lên về quản lý tài chính doanh nghiệp, về kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp phù hợp với yêu cầu của vị trí được ủy quyền làm Người đại diện. Trường hợp doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài thì Người đại diện phải có đủ trình độ ngoại ngữ để làm việc trực tiếp với người nước ngoài.
6. Không là vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của người quản lý, điều hành doanh nghiệp có phần vốn góp của nhà nước và của người có thẩm quyền quyết định việc ủy quyền làm Người đại diện.
7. Người đại diện tham gia vào Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc/Giám đốc doanh nghiệp phải có đủ tiêu chuẩn và điều kiện tương ứng với chức danh đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp; Điều lệ của doanh nghiệp; các tiêu chuẩn của chức danh lãnh đạo, quản lý theo quy định của Luật cán bộ công chức đối với người được cử làm đại diện tại các doanh nghiệp có phần vốn góp của nhà nước.
8. Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.
9. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 4. Số lượng Người đại diện và nội dung văn bản ủy quyền đối với Người đại diện

1. Chủ sở hữu phần vốn nhà nước quyết định về số lượng, thành phần, cơ cấu Người đại diện tại doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, phù hợp với Điều lệ của doanh nghiệp, phù hợp với đặc điểm cụ thể của từng doanh nghiệp có phần vốn nhà nước theo các căn cứ sau:
 - a) Quy mô vốn điều lệ của doanh nghiệp;
 - b) Tỷ lệ phần vốn Nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp;
 - c) Ngành nghề kinh doanh và đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;

- d) Chiến lược và mục tiêu phát triển doanh nghiệp theo định hướng của nhà nước;
- đ) Các quy định khác của pháp luật.

Trường hợp Chủ sở hữu phần vốn nhà nước ủy quyền cho từ 02 (hai) Người đại diện trở lên thì Chủ sở hữu phần vốn nhà nước xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu ủy quyền cho mỗi Người đại diện và giao cho một người đại diện chịu trách nhiệm phụ trách chung (gọi tắt là Người đại diện phụ trách chung).

2. Việc ủy quyền của Chủ sở hữu phần vốn nhà nước cho Người đại diện phải thực hiện bằng văn bản. Văn bản ủy quyền bao gồm các nội dung sau:

- a) Nhiệm vụ giao cho Người đại diện;
- b) Đánh giá hoạt động của Người đại diện;
- c) Miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Người đại diện;
- d) Quyết định mức tiền lương, tiền thưởng, thù lao trả cho Người đại diện theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao;
- đ) Quy định về việc bồi thường vật chất trong trường hợp Người đại diện có hành vi gây thiệt hại đến lợi ích của Chủ sở hữu và tổ chức, các nhân có liên quan;
- e) Những nội dung khác (nếu có).

Điều 5. Chế độ hoạt động của Người đại diện

1. Người đại diện làm việc theo chế độ:

- a) Chuyên trách trong ban quản lý, điều hành tại doanh nghiệp (Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc/Ban Giám đốc);
- b) Kiêm nhiệm trong Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn ủy quyền cho Người đại diện:

- a) Thời hạn ủy quyền cho Người đại diện do Chủ sở hữu phần vốn nhà nước quyết định theo nhiệm kỳ Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị;
- b) Trường hợp có sự thay đổi Người đại diện trong nhiệm kỳ Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị thì thời hạn ủy quyền Người đại diện là thời gian còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị đó.

3. Người đại diện đã được Chủ sở hữu phần vốn nhà nước ủy quyền thì không được giao, ủy quyền lại cho người khác đại diện thay mình biểu quyết, quyết định các nội dung đã được chủ sở hữu phần vốn nhà nước ủy quyền, cho ý kiến.

Điều 6. Nhiệm vụ của Người đại diện

1. Thực hiện quyền của cổ đông, thành viên góp vốn do Chủ sở hữu giao:

- a) Người đại diện tại doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ phải xin ý kiến Chủ sở hữu phần vốn nhà nước bằng văn bản để tham gia ý kiến, biểu quyết, quyết định tại cuộc họp Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông, các cuộc họp khác (nếu có) đối với những nội dung quy định tại

Khoản 4 Điều 20 Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;

b) Người đại diện tại doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ được tham gia ý kiến, biểu quyết, quyết định tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông, các cuộc họp khác (nếu có) đối với những nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 29 Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp; Đối với những nội dung không quy định tại Khoản 4 Điều 29 nói trên, nhưng làm thay đổi lợi ích của nhà nước như: làm giảm phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp hoặc làm giảm tỷ lệ vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các lợi ích khác của nhà nước tại doanh nghiệp (nếu có) thì Người đại diện phải xin ý kiến Chủ sở hữu phần vốn nhà nước (bằng văn bản) trước khi có ý kiến biểu quyết, quyết định.

2. Trách nhiệm báo cáo của Người đại diện

a) Các hình thức Báo cáo

- Báo cáo định kỳ (hàng Quý, năm): trên cơ sở báo cáo tài chính và báo cáo khác của doanh nghiệp, định kỳ (Quý, năm), Người đại diện theo quy định Điểm a Khoản 1 Điều 6 Quy chế này có trách nhiệm tổng hợp và phân tích đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp (theo Mẫu số 01 đính kèm Quy chế này).

Người đại diện theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 6 Quy chế này có trách nhiệm tổng hợp và phân tích đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp định kỳ 6 tháng, năm (theo Mẫu số 02 đính kèm Quy chế này). Chủ sở hữu phần vốn nhà nước có thể căn cứ tỷ lệ vốn góp của nhà nước trên vốn điều lệ của doanh nghiệp để quy định cụ thể các chỉ tiêu Người đại diện phải báo cáo.

Thời hạn Người đại diện gửi báo cáo cho Chủ sở hữu phần vốn nhà nước là trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hết hạn lập báo cáo tài chính quý, năm theo quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Báo cáo theo yêu cầu đột xuất:

Căn cứ mục đích quản lý của Chủ sở hữu phần vốn nhà nước, yêu cầu quản lý của cơ quan quản lý nhà nước, trên cơ sở quy định hoặc thông báo bằng văn bản của Chủ sở hữu phần vốn nhà nước, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; Người đại diện cung cấp các thông tin có liên quan tới tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, về việc đầu tư, tình hình tài chính của doanh nghiệp. Khi được yêu cầu, Người đại diện có trách nhiệm báo cáo đầy đủ các nội dung như yêu cầu của Chủ sở hữu phần vốn nhà nước và cơ quan quản lý nhà nước.